TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HS-ST
Ngày: 26 - 01 -2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mão và bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 140/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 01 năm 2026, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Cao Thị Q1**, sinh năm 1993, tại thành phố H; Nơi cư trú: số 24, Phạm Hữu Đ, phường A, thành phố Hải Phòng; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Cao Văn Q (đã chết) và con bà Phạm Thị L; Bị cáo có chồng và có 03 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2025 đến ngày 27/8/2025 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 111/2025/HSST - LCĐKNCT ngày11 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình. (có mặt).

2/ Họ và tên: **Trần Hồng Q2**, sinh năm 1991, tại thành phố H; Nơi cư trú: số 24, Phạm Hữu Đ, phường A, thành phố Hải Phòng; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Quang D và con bà Trần Thị Ph; Bị cáo có vợ và có 03 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2025 đến ngày 27/8/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam số 200/2025/HSST - QĐTG ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình (có mặt).

3/ Họ và tên: **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1998, tại thành phố H; Nơi cư trú: tổ dân phố Tr, phường K, thành phố Hải Phòng; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình

độ học vấn: 8/12; Con ông Nguyễn Văn Đ và con bà Trần Thị V; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2025 đến ngày 27/8/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam số 197/2025/HSST - QĐTG ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình (có mặt).

4/ Họ và tên: **Nguyễn Quốc H1**, sinh năm 1991, tại thành phố H; Nơi cư trú: số 03/48/512, đường Ng, phường A, thành phố Hải Phòng; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và con bà Phạm Kim D; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại bản án số 107/2019/HSST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2025 đến ngày 27/8/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam số 199/2025/HSST - QĐTG ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình (có mặt).

5/ Họ và tên: **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1995, tại thành phố H; Nơi cư trú: tổ dân phố Tr, phường L, thành phố Hải Phòng; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn Ch và con bà Nguyễn Thị Th; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2025 đến ngày 27/8/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam số 198/2025/HSST - QĐTG ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình (có mặt).

6/ Họ và tên: **Nguyễn Long D**, sinh năm 2000, tại thành phố H; Nơi cư trú: tổ dân phố Tr, phường L, thành phố Hải Phòng; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn Kh và con bà Vũ Thị Ch; Bị cáo có vợ và có 01 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 25/10/2023, Công an huyện Th, thành phố Hải Phòng ra Quyết định khởi tố bị can số 289 về tội Cố ý gây thương tích. Ngày 06/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ra Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2024/HSST vì lý do người bị hại rút yêu cầu khởi tố.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/8/2025 đến ngày 27/8/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam số 201/2025/HSST - QĐTG ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Cao Thị Q và bị cáo Trần Hồng Q: bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Hoài N - Luật sư Công ty Luật TNHH Bình Gia thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1964; Địa chỉ: tổ dân phố Tr, xã Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1959; Địa chỉ: số nhà 03, phố Ph, phường H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Bà Lê Thị D, sinh năm 1970; Địa chỉ: phường H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Ông Tạ Văn Đ, sinh năm 1972; Địa chỉ: tổ dân phố 5, phường Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976; Địa chỉ: xóm H, xã Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: số nhà 23, đường Ph, phố Ph, phường H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1980; Địa chỉ: số nhà 28, phố Ph, phường H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Ông Đặng Đình Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: số nhà 34, ngõ 102, đường Tr, phố Ph, phường H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983; Địa chỉ: số 02/144 đường L, phường H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Ông Tạ Văn Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: phố 12 V, phường H, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện nay: số nhà 286, đường L, phường H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng nhu cầu vay tiền để chi tiêu cá nhân của một số người dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Cao Thị Q cùng chồng là Trần Hồng Q nảy sinh ý định tìm người cho vay với mức lãi suất cao để thu lời bất chính. Cao Thị Q và Trần Hồng Q thuê Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Long D với mức lương từ khoảng 6.000.000 đồng/tháng đến 17.000.000 đồng/tháng để trực tiếp liên hệ, đôn đốc và thu nợ của khách vay tiền. Quá trình thực hiện hành vi, cả nhóm sử dụng chung một số công cụ, phương tiện bao gồm: xe mô tô, điện thoại di động, sim thẻ không chính chủ, và một số tài khoản ngân hàng.

Từ ngày 08/8/2024 đến ngày 16/8/2025, các đối tượng đã cho 09 cá nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình vay với tổng số tiền **2.229.000.000 đồng**, mức lãi suất các khoản vay của từng người từ 108%/năm đến 203%/năm, thu tổng số tiền lãi là **545.020.000 đồng,** trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là **467.278.082 đồng** và thu phí hồ sơ vay của 09 người trên với số tiền là **44.170.000 đồng**. Cụ thể như sau:

1. Đối với ông Tạ Văn Đ.

Ngày 25/01/2025, ông Tạ Văn Đ vay Cao Thị Q số tiền 300.000.000 đồng với hình thức vay trả lãi ngày 3000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương 108%/năm. Hai bên thỏa thuận 30 ngày sẽ trả tiền lãi và trả 10.000.000 đồng tiền gốc 01 lần vay, khi vay ông Đ đã thế chấp bìa đất thuê 20 năm của nhà nước

tại xã Kh, huyện Y (nay là phường Y), tỉnh Ninh Bình mang tên tổ hợp khai thác đá Thanh Bình; Q1 đã trừ số tiền 27.000.000 đồng tiền lãi của 01 tháng đầu tiên và trừ đi các khoản nợ cũ (không xác định của khoản vay nào), Q1 chuyển cho ông Đ số tiền 149.200.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Techcombank số 476868666888, mang tên Cao Thị Q đến tài khoản ngân hàng Vietinbank số 101835350123, mang tên Vũ Đức A là người quen của ông Đ. Sau đó, Ông Đ trả cho Q1 bằng hình thức nhờ người chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 476868666888, mang tên Cao Thị Q; ngân hàng VietinBank số 100869893996, mang tên Nguyễn Văn Th và ông Đ còn trả tiền mặt cho Q1 qua những người đi thu hàng ngày. Cụ thể như sau:

Tháng 01/2025 khi chuyển tiền vay cho ông Đ, Q1 đã thu 27.000.000 đồng tiền lãi trong 30 ngày (từ ngày 25/01/2025 đến ngày 25/02/2025), trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 5.000.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 22.000.000 đồng.

Tháng 02/2025 ông Đ trả cho Q1 10.000.000 đồng tiền gốc và 26.200.000 đồng tiền lãi trong 30 ngày (từ ngày 25/02/2025 đến ngày 25/3/2025), trong đó, tiền lãi theo quy định pháp luật là 4.833.333 đồng, tiền thu lợi bất chính là 21.366.667 đồng.

Tháng 3/2025 ông Đ trả cho Q1 10.000.000 đồng tiền gốc và 25.200.000 đồng tiền lãi trong 30 ngày (từ ngày 25/3/2025 đến ngày 25/4/2025) trong đó, tiền lãi theo quy định pháp luật là 4.666.667 đồng, tiền thu lợi bất chính là 20.533.333 đồng.

Tháng 4/2025 ông Đ trả cho Q1 10.000.000 đồng tiền gốc và 24.300.000 đồng tiền lãi trong 30 ngày (từ ngày 25/4/2025 đến ngày 25/5/2025) trong đó, tiền lãi theo quy định pháp luật là 4.500.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 19.800.000 đồng.

Tháng 5/2025 ông Đ trả cho Q1 10.000.000 đồng tiền gốc và 23.400.000 đồng tiền lãi trong 30 ngày (từ ngày 25/5/2025 đến ngày 25/6/2025) trong đó, tiền lãi theo quy định pháp luật là 4.333.333 đồng, tiền thu lợi bất chính là 19.066.667 đồng.

Tháng 6/2025 ông Đ trả cho Q1 10.000.000 đồng tiền gốc và 22.500.000 đồng tiền lãi trong 30 ngày (từ ngày 25/6/2025 đến ngày 25/7/2025) trong đó, tiền lãi theo quy định pháp luật là 4.166.667 đồng, tiền thu lợi bất chính là 18.333.333 đồng.

Tháng 7/2025 ông Đ trả cho Q1 10.000.000 đồng tiền gốc và 21.600.000 đồng tiền lãi trong 30 ngày (từ ngày 25/7/2025 đến ngày 25/8/2025) trong đó, tiền lãi theo quy định pháp luật là 4.000.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 17.600.000 đồng.

Từ ngày 25/01/2025 đến ngày 16/8/2025, **Cao Thị Q, Trần Hồng Q và Nguyễn Văn Th** cho ông Tạ Văn Đ vay với tổng số tiền cho vay là **300.000.000 đồng**; mức lãi suất 3000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương 108%; tổng số tiền gốc đã trả là 60.000.000 đồng, còn nợ lại 240.000.000 đồng; tổng số tiền lãi ông Đ đã trả là 170.200.000 đồng; trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là **31.500.000 đồng**, số tiền thu lợi bất chính là **138.700.000 đồng**.

2. Đối với Bà Bùi Thị Th.

Từ ngày 11/8/2024 đến ngày 16/8/2025, Cao Thị Q cho bà Bùi Thị Th vay 06 lần mỗi lần vay 150.000.000 đồng bằng hình thức vay ống (bốc bát họ), mỗi lần vay Q1 thu tiền lãi trước là 30.000.000 đồng, thu phí hồ sơ là 3.000.000 đồng, mỗi ngày bà Th phải trả cho Q1 3.000.000 đồng, thời hạn mỗi lần vay là 50 ngày. Trong thời gian này, hàng ngày Q1 chỉ đạo cho Th, H1, H2 đôn đốc bà Th phải trả tiền theo đúng thỏa thuận, nếu bà Th không chuyển trả thì sẽ đến nhà để thúc ép đòi tiền. Do không trả được tiền theo đúng thời gian thỏa thuận, bà Th liên tục xin Q1 cho đảo để vay ống mới. Mỗi lần vay ống mới, Q1 sẽ trừ đi các khoản cố định như trên và trừ đi số tiền bà Th còn nợ của những ngày trước đó, rồi Q1 sẽ chuyển lại cho bà Th số tiền thực tế nhận được khi đảo lần vay. Q1 và những đối tượng trong nhóm của mình sử dụng các số điện thoại 0398568225, 0937665666 và 0973.725.886; Zalo "Nguyễn Th" được đăng ký từ số điện thoại 0888157355; tài khoản ngân hàng Teckcombank số 2509258888 mang tên Vũ Mạnh H; tài khoản ngân hàng BIDV số 8860504414 mang tên Cao Thị Q để liên lạc, thỏa thuận các khoản vay và chuyển, nhận tiền lãi của bà Th. Bà Bùi Thị Th sử dụng số điện thoại di động 0944.912.992; Zalo "Bùi Thị Th" được đăng ký từ số điện thoại 0944.912.992; tài khoản ngân hàng Agribank số 3307944912992 mang tên Bùi Thị Th để liên lạc; nhận, chuyển tiền với Q1 và những đối tượng trong nhóm được Q1 giao thu tiền của bà Th, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 11/8/2024, nhóm Q1 cho bà Th vay số tiền 150.000.000 đồng trong 50 ngày với mức lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng 146%/năm, thu tổng 30.000.000 tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 4.109.589, số tiền thu lãi bất chính 25.890.411, thu phí hồ sơ 3.000.000 đồng. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền bà Th còn nợ Q1, thực tế bà Th nhận về số tiền là 25.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 26/8/2024, bà Th xin đảo lần vay ngày 11/8/2024, nhóm Q1 cho bà Th vay số tiền 150.000.000 đồng trong 50 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần thứ nhất. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền bà Th còn nợ lại của lần vay trước, bà Th nhận về số tiền là 32.020.000 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 29/9/2024, bà Th xin đảo lần vay ngày 26/8/2024, nhóm Q1 cho bà Th vay số tiền 150.000.000 đồng trong 50 ngày với mức lãi suất và chi phí như các lần trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền bà Th còn nợ lại của lần vay trước, bà Th nhận về số tiền là 22.400.000 đồng.

Lần thứ 4: Ngày 19/10/2024, bà Th xin đảo lần vay ngày 29/9/2024, nhóm Q1 cho bà Th vay số tiền 150.000.000 đồng trong 50 ngày với mức lãi suất và chi phí như các lần trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền bà Th còn nợ lại của lần vay trước, bà Th nhận về số tiền là 26.500.000 đồng.

Lần thứ 5: Ngày 09/01/2025, bà Th xin đảo lần vay ngày 19/10/2024, nhóm Q1 cho bà Th vay số tiền 150.000.000 đồng trong 50 ngày với mức lãi suất và chi phí như các lần trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền bà Th còn nợ lại của lần vay trước, bà Th nhận về số tiền là 23.900.000 đồng.

Lần thứ 6: Ngày 10/02/2025, bà Th xin đảo lần vay ngày 09/01/2025, nhóm Q1 cho bà Th vay số tiền 150.000.000 đồng trong 50 ngày với mức lãi suất và chi phí như các lần trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền bà Th còn nợ lại của lần vay trước, bà Th nhận về số tiền là 20.000.000 đồng, đối với lần vay này bà Th chưa trả hết tiền gốc cho Q1.

Từ ngày 11/8/2024 đến ngày 16/8/2025, **Cao Thị Q cùng Q2, Th, H2, H1** cho bà Bùi Thị Th vay với tổng số tiền là **900.000.000 đồng**; mức lãi suất 146%/năm; tổng số tiền gốc đã trả là 750.000.000 đồng; tổng số tiền lãi bà Th đã trả 180.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là **24.657.534 đồng**, tiền thu lãi bất chính là **155.342.466 đồng**; số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) **18.000.000 đồng**; tổng số tiền thu lợi bất chính là **173.342.466 đồng**.

3. Đối với chị Nguyễn Thị Thu H.

Ngày 12/8/2025, chị Nguyễn Thị Thu H vay Cao Thị Q số tiền 180.000.000 đồng, hình thức vay ống (bốc bát họ). Khi vay, Q1 trừ số tiền lãi thu trước là 30.000.000 đồng, thu phí hồ sơ 3.800.000 đồng, thu tiền cọc 4.500.000 (tiền cọc tương đương với 01 ngày chị H phải đóng hàng ngày, nếu chị H đóng đầy đủ đến ngày 39 thì ngày 40 thì sẽ được đối trừ và không phải đóng nữa), thu trước 4.500.000 đồng của 01 ngày, mỗi ngày chị H phải trả 4.500.000 đồng, thời hạn trong 40 ngày tương ứng với mức lãi suất mức lãi suất 4000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 152%/năm; Q1 cho lại chị H 700.000 đồng chi phí nên thực tế chuyển khoản cho chị H số tiền là 137.200.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thu H sử dụng ứng dụng Zalo "Nguyễn H" được đăng ký từ số điện thoại 0901491909 để nhắn tin, gọi điện đến tài khoản Zalo "Nguyễn Th" để liên lạc với Nguyễn Văn Th (Th là người trực tiếp thỏa thuận và chuyển tiền cho chị H sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của Q1) và sử dụng tài khoản ngân hàng Vietinbank số 0901791909 mang tên Nguyễn Thị Thu H để nhận, chuyển tiền.

Từ ngày 12/8/2025 đến ngày 16/8/2025, **Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Long D** cho Nguyễn Thị Thu H vay tổng số tiền là **180.000.000 đồng**; mức lãi suất 152%/năm; Chị H đã trả 27.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 153.000.000 đồng tiền gốc; đã trả 30.000.000 đồng tiền lãi, trong đó lãi theo quy định pháp luật là **3.945.205 đồng**, thu lợi bất chính là **26.054.795 đồng**, số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) **3.800.000 đồng**; tổng số tiền thu lợi bất chính là **29.854.795 đồng**.

4. Đối với chị Nguyễn Thị Thu H.

Từ ngày 21/8/2024 đến ngày 11/8/2025, Cao Thị Q cho chị Nguyễn Thị Thu H vay tổng cộng 17 lần bằng hình thức vay ống (bốc bát họ). Chị H sử dụng số điện thoại đi động 0869975320 để nhắn tin gọi điện qua số điện thoại 0966792328 cho Nguyễn Long D và sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1019990643 mang tên Nguyễn Thị Thu H để nhận, chuyển tiền. Cụ thể như sau:

Lần vay thứ nhất: Ngày 21/8/2024 Cao Thị Q cho chị Nguyễn Thị Thu H vay 6.000.000 đồng bằng hình thức vay ống, Q1 và chị H thỏa thuận thời gian vay trong 30 ngày với mức lãi suất 203%/1 năm, mỗi ngày chị H phải trả

200.000 đồng tiền gốc, Q1 thu lãi trước 400.000 đồng của 02 ngày, Q1 thu trước 1.000.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 98.630 đồng, tiền thu lời bất chính là 901.370 đồng, Ngoài ra Q1 thu phí hồ sơ 200.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.101.370 đồng. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ Q1, thực tế chị H nhận về số tiền là 1.400.000 đồng.

Lần vay thứ 02: Ngày 05/9/2024, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần thứ nhất. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.300.000 đồng.

Lần thứ ba: ngày 15/9/2025, Cao Thị Q cho chị Nguyễn Thị Thu H vay 10.000.000 đồng bằng hình thức vay ống, thời hạn trong vòng 40 ngày tương ứng với mức lãi suất 183%/1 năm, mỗi ngày chị H phải trả 250.000 đồng tiền gốc, Q1 thu lãi trước 500.000 đồng của 02 ngày, Q1 thu trước 2.000.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 219.178 đồng, tiền thu lời bất chính là 1.780.822 đồng, Ngoài ra Q1 thu phí hồ sơ 250.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.030.822 đồng. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.900.000 đồng.

Lần vay thứ 4: Ngày 04/10/2024, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.850.000 đồng.

Lần vay thứ 5: Ngày 24/10/2024, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.250.000 đồng.

Lần vay thứ 6: Ngày 14/11/2024, Q1 cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.000.000 đồng.

Lần vay thứ 7: Ngày 09/12/2024, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 6.800.000 đồng.

Lần vay thứ 8: Ngày 03/01/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu

lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.950.000 đồng.

Lần vay thứ 9: Ngày 23/01/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.750.000 đồng.

Lần vay thứ 10: Ngày 16/02/2025, Q1 cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 3.000.000 đồng.

Lần vay thứ 11: Ngày 06/4/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.500.000 đồng.

Lần vay thứ 12: Ngày 30/4/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 3.250.000 đồng.

Lần vay thứ 13: Ngày 22/5/2025, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.550.000 đồng.

Lần vay thứ 14: Ngày 12/6/2025, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.250.000 đồng.

Lần vay thứ 15: Ngày 02/7/2025, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.250.000 đồng.

Lần vay thứ 16: Ngày 21/7/2025, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.000.000 đồng.

Lần vay thứ 17: Ngày 11/8/2025, Q tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng

trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.250.000 đồng.

Từ ngày 21/8/2024 đến ngày 16/8/2025, **Cao Thị Q, Trần Hồng Q và Nguyễn Long D** cho Nguyễn Thị Thu H vay với tổng số tiền là **162.000.000 đồng**; mức lãi suất 183%/năm; tổng số tiền gốc đã trả là 153.250.000 đồng; tổng số tiền lãi chị H đã trả 32.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là **3.484.932 đồng**, tiền thu lãi bất chính là **28.515.068 đồng**; số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) **4.150.000 đồng**; tổng số tiền thu lợi bất chính là **32.665.068 đồng**.

5. Đối với chị Nguyễn Thị Bích H

Từ ngày 20/8/2024 đến ngày 11/8/2025, Cao Thị Q cho chị Nguyễn Thị Bích H 22 lần vay ống (bốc bát họ), Chị Nguyễn Thị Bích H sử dụng số điện thoại di động 0972642880 để nhắn tin gọi điện qua số điện thoại 0966792328 cho Nguyễn Long D và sử dụng tài khoản ngân hàng MBbank số 66725222 mang tên Nguyễn Thị Bích H để nhận, chuyển tiền cụ thể như sau:

Lần vay thứ nhất: Ngày 20/8/2024, Cao Thị Q cho chị Nguyễn Thị Bích H vay 6.000.000 đồng bằng hình thức vay ống, Q1 và chị H thỏa thuận thời gian vay trong 30 ngày với mức lãi suất 203%/1 năm, mỗi ngày chị H phải trả 200.000 đồng tiền gốc, Q1 thu lãi trước 400.000 đồng của 02 ngày, Q1 thu trước 1.000.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 98.630 đồng, tiền thu lời bất chính là 901.370 đồng, Ngoài ra Q1 thu phí hồ sơ 200.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.101.370 đồng. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ Q1, thực tế chị H nhận về số tiền là 1.200.000 đồng.

Lần vay thứ 2: Ngày 04/9/2024, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 900.000 đồng.

Lần vay thứ 3: Ngày 20/9/2024, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 900.000 đồng.

Lần vay thứ 4: Ngày 07/10/2024, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.150.000 đồng.

Lần vay thứ 5: Ngày 23/10/2024, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu

lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.300.000 đồng.

Lần vay thứ 6: Ngày 08/11/2024, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.300.000 đồng.

Lần vay thứ 7: Ngày 25/11/2024, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 800.000 đồng.

Lần vay thứ 8: Ngày 12/12/2024, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.150.000 đồng.

Lần vay thứ 9: Ngày 30/12/2024, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.200.000 đồng.

Lần vay thứ 10: Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.400.000 đồng.

Lần vay thứ 11: Ngày 10/02/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 3.000.000 đồng.

Lần vay thứ 12: Ngày 27/02/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.600.000 đồng.

Lần vay thứ 13: Ngày 17/3/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.600.000 đồng.

Lần vay thứ 14: Ngày 02/4/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng

trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 3.200.000 đồng.

Lần vay thứ 15: Ngày 19/4/2025, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 3.560.000 đồng.

Lần vay thứ 16: Ngày 05/5/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.800.000 đồng.

Lần vay thứ 17: Ngày 21/5/2025, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 3.600.000 đồng.

Lần vay thứ 18: Ngày 06/6/2025, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 2.800.000 đồng.

Lần vay thứ 19: Ngày 24/6/2025, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 3.600.000 đồng.

Lần vay thứ 20: Ngày 10/7/2025, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.400.000 đồng.

Lần vay thứ 21: Ngày 26/7/2025, Q1tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.400.000 đồng.

Lần vay thứ 22: Ngày 11/8/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 6.000.000 đồng trong 30 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 1.400.000 đồng.

Từ ngày 20/8/2024 đến ngày 16/8/2025, **Cao Thị Q, Trần Hồng Q và Nguyễn Long D** cho Nguyễn Thị Bích H vay với tổng số tiền là **132.000.000 đồng**; mức lãi suất 203%/năm; tổng số tiền gốc đã trả là 127.200.000 đồng; tổng số tiền lãi chị H đã trả 22.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là **2.169.863 đồng**, tiền thu lãi bất chính là **19.830.137 đồng**; số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) **4.400.000 đồng**; tổng số tiền thu lợi bất chính là **24.230.137 đồng**.

6. Đối với anh Đặng Đình Đ.

Từ ngày 24/4/2025 đến ngày 14/8/2025, Cao Thị Q cho anh Đặng Đình Đ 08 lần vay ống (bốc bát họ), với số tiền 10.000.000 đồng của mỗi lần vay, anh Đặng Đình Đ sử dụng số điện thoại di động 0916494700 để nhắn tin gọi điện qua số điện thoại 0966792328 cho Nguyễn Long D và sử dụng tài khoản ngân hàng hàng BIDV số 4830387712 (hoặc 0916494700) và tài khoản ngân hàng Sacombank số 0916494700 đều mang tên Đặng Đình Đ để nhận, chuyển tiền cụ thể như sau:

Lần vay thứ nhất: Ngày 24/4/2025, Cao Thị Q cho anh Đ vay 10.000.000 đồng bằng hình thức vay ống, Q1 và anh Đ thỏa thuận thời gian vay trong 40 ngày với mức lãi suất 183%/năm, mỗi ngày anh Đ phải trả 250.000 đồng tiền gốc, Q1 thu lãi trước 500.000 đồng của 02 ngày, Q1 thu trước 2.000.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 219.178 đồng, tiền thu lời bất chính là 1.780.822 đồng, Ngoài ra Q1 thu phí hồ sơ 250.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.030.822 đồng. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí, anh Đ nhận về số tiền là 6.000.000 đồng.

Lần vay thứ 2: Ngày 14/5/2025, Q1 tiếp tục cho anh Đ vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền anh Đ còn nợ lại của lần vay trước, anh Đ nhận về số tiền là 2.250.000 đồng.

Lần vay thứ 3: Ngày 01/6/2025, Q1tiếp tục cho anh Đ vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền anh Đ còn nợ lại của lần vay trước, anh Đ nhận về số tiền là 2.250.000 đồng.

Lần vay thứ 4: Ngày 17/6/2025, Q1 tiếp tục cho anh Đ vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền anh Đ còn nợ lại của lần vay trước, anh Đ nhận về số tiền là 2.250.000 đồng. Ngày 30/6/2025 anh Đ đã trả xong tiền của lần vay này.

Lần vay thứ 5: Ngày 04/7/2025, Q1 tiếp tục cho anh Đ vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước, Q1 chuyển khoản cho anh Đ số tiền là 7.000.000 đồng. Cùng ngày hôm đó anh Đ đã trả xong tiền của lần vay này.

Lần vay thứ 6: Ngày 06/7/2025, Q1 tiếp tục cho anh Đ vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước, Q1 chuyển khoản cho anh Đ số tiền là 7.000.000 đồng.

Lần vay thứ 7: Ngày 27/7/2025, Q1 tiếp tục cho anh Đ vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền anh Đ còn nợ lại của lần vay trước, anh Đ nhận về số tiền là 2.500.000 đồng.

Lần vay thứ 8: Ngày 14/8/2025, Q1 tiếp tục cho anh Đ vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền anh Đ còn nợ lại của lần vay trước, anh Đ nhận về số tiền là 2.250.000 đồng.

Từ ngày 24/4/2025 đến ngày 16/8/2025, **Cao Thị Q, Trần Hồng Q và Nguyễn Long D** cho Đặng Đình Đ vay với tổng số tiền là **80.000.000 đồng**; mức lãi suất 183%/năm; tổng số tiền gốc đã trả là 71.500.000 đồng; tổng số tiền lãi anh Đ đã trả 16.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là **1.753.425 đồng**, tiền thu lãi bất chính là **14.246.575 đồng**; số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) **2.000.000 đồng**; tổng số tiền thu lợi bất chính là **16.246.575 đồng**.

7. Đối với chị Trần Thị H.

Từ ngày 05/5/2025 đến ngày 15/8/2025, Cao Thị Q cho chị Trần Thị H vay 08 lần vay ống (bốc bát họ), với số tiền 10.000.000 đồng của mỗi lần vay. Chị Trần Thị H sử dụng tài khoản ngân hàng hàng MBBank số 1206091976666 mang tên Trần Thị H để nhận, chuyển tiền cụ thể như sau:

Lần vay thứ nhất: Ngày 05/5/2025, Cao Thị Q cho chị H vay 10.000.000 đồng bằng hình thức vay ống, Q1 và chị H thỏa thuận thời gian vay trong 40 ngày với mức lãi suất 183%/năm, mỗi ngày chị H phải trả 250.000 đồng tiền gốc, Q1 thu lãi trước 500.000 đồng của 02 ngày, Q1 thu trước 2.000.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 219.178 đồng, tiền thu lời bất chính là 1.780.822 đồng, Ngoài ra Q1 thu phí hồ sơ 250.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.030.822 đồng. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí chị H còn nợ Q1 trước đó, chị H nhận về số tiền là 5.750.000 đồng.

Lần vay thứ 2: Ngày 28/5/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 6.750.000 đồng.

Lần vay thứ 3: Ngày 30/5/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 3.700.000 đồng.

Lần vay thứ 4: Ngày 21/6/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 3.250.000 đồng.

Lần vay thứ 5: Ngày 24/6/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 3.200.000 đồng.

Lần vay thứ 6: Ngày 19/7/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 4.250.000 đồng.

Lần vay thứ 7: Ngày 21/7/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 3.750.000 đồng. Đối với với lần vay nay chị H đã trả cho Q1 số tiền là 6.500.000 đồng và còn nợ lại 3.500.000 đồng.

Lần vay thứ 8: Ngày 15/8/2025, Q1 tiếp tục cho chị H vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị H còn nợ lại của lần vay trước, chị H nhận về số tiền là 4.000.000 đồng. Đối với với lần vay nay chị H đã trả cho Q1 số tiền là 1.000.000 đồng và còn nợ lại 9.000.000 đồng.

Từ ngày 24/4/2025 đến ngày 16/8/2025, **Cao Thị Q, Trần Hồng Q và Nguyễn Long D** cho chị Trần Thị H vay với tổng số tiền là **80.000.000 đồng**; mức lãi suất 183%/năm; tổng số tiền gốc đã trả là 67.500.000 đồng, tổng số tiền lãi chị Hằng đã trả 16.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là **1.753.425 đồng**, tiền thu lãi bất chính là **14.246.575 đồng**; số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) **2.000.000 đồng**; tổng số tiền thu lợi bất chính là **16.246.575 đồng**.

8. Đối với bà Trần Thị Ch

Từ ngày 21/7/2024 đến ngày 15/8/2025, Cao Thị Q cho chị Trần Thị Ch vay 17 lần vay ống (bốc bát họ), với số tiền 10.000.000 đồng của mỗi lần vay. Chị Trần Thị Ch sử dụng số điện thoại di động 0866.746.861 để nhắn tin, gọi điện đến số điện thoại 0966792328 cho Nguyễn Long D và sử dụng tài khoản ngân hàng hàng Vietinbank số 106601666659 mang tên Trần Thị Ch để nhận, chuyển tiền cụ thể như sau:

Lần vay thứ nhất: Ngày 08/8/2024, Cao Thị Q cho chị Ch vay 10.000.000 đồng bằng hình thức vay ống, Q1 và chị Ch thỏa thuận thời gian vay trong 40 ngày với mức lãi suất 183%/năm, mỗi ngày chị Ch phải trả 250.000 đồng tiền

gốc, Q1 thu lãi trước 500.000 đồng của 02 ngày, Q1 thu trước 2.000.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 219.178 đồng, tiền thu lời bất chính là 1.780.822 đồng, Ngoài ra Q1 thu phí hồ sơ 250.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.030.822 đồng. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí chị Ch còn nợ Q1 trước đó, chị Ch nhận về số tiền là 2.000.000 đồng.

Lần vay thứ 2: Ngày 26/8/2024, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 1.750.000 đồng.

Lần vay thứ 3: Ngày 14/9/2024, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 2.000.000 đồng.

Lần vay thứ 4: Ngày 02/10/2024, Q1tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 2.000.000 đồng.

Lần vay thứ 5: Ngày 24/10/2024, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 2.750.000 đồng.

Lần vay thứ 6: Ngày 13/11/2024, Q1tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 2.200.000 đồng.

Lần vay thứ 7: Ngày 02/12/2024, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 1.750.000 đồng.

Lần vay thứ 8: Ngày 19/12/2024, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 1.750.000 đồng.

Lần vay thứ 9: Ngày 06/01/2025, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau

khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 1.750.000 đồng.

Lần vay thứ 10: Ngày 03/02/2025, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 4.600.000 đồng.

Lần vay thứ 11: Ngày 10/3/2025, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 6.000.000 đồng.

Lần vay thứ 12: Ngày 08/4/2025, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 2.750.000 đồng.

Lần vay thứ 13: Ngày 02/5/2025, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 4.500.000 đồng.

Lần vay thứ 14: Ngày 31/5/2025, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 3.250.000 đồng.

Lần vay thứ 15: Ngày 22/6/2025, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 2.750.000 đồng.

Lần vay thứ 16: Ngày 13/7/2025, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 2.500.000 đồng.

Lần vay thứ 17: Ngày 15/8/2025, Q1 tiếp tục cho chị Ch vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 10.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Ch còn nợ lại của lần vay trước, chị Ch nhận về số tiền là 5.500.000 đồng. Đối với với lần vay nay chị Ch đã trả cho Q1 số tiền là 1.250.000 đồng và còn nợ lại 8.750.000 đồng.

Từ ngày 08/8/2024 đến ngày 16/8/2025, **Cao Thị Q, Trần Hồng Q và Nguyễn Long D** cho chị Trần Thị Ch vay với tổng số tiền là **170.000.000 đồng**; mức lãi suất 183%/năm; tổng số tiền gốc đã trả là 161.250.000 đồng, tổng số tiền lãi chị Ch đã trả 34.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là **3.726.027 đồng**, tiền thu lãi bất chính là **30.273.973 đồng**; số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) **4.250.000 đồng**; tổng số tiền thu lợi bất chính là **34.523.973 đồng**.

9. Đối với chị Lê Thị D.

Từ ngày 09/10/2024 đến ngày 24/7/2025, Cao Thị Q cho chị Lê Thị D 15 lần vay ống (bốc bát họ), với số tiền 15.000.000 đồng của mỗi lần vay. Chị Lê Thị D sử dụng số điện thoại 0779.230.205 để nhắn tin, goi điện đến số điện thoại 0966.792.328 cho Nguyễn Long D sử dụng tài khoản ngân hàng hàng Vietcombank số 1043761665 mang tên Trần Thị L (là mẹ đẻ của chị D) để nhận, chuyển tiền cụ thể như sau:

Lần vay thứ nhất: Ngày 09/10/2024, Cao Thị Q cho chị D vay 15.000.000 đồng bằng hình thức vay ống, Q1 và chị D thỏa thuận thời gian vay trong 40 ngày với mức lãi suất 183%/năm, mỗi ngày chị D phải trả 380.000 đồng tiền gốc, Q1 thu lãi trước 380.000 đồng của 01 ngày, Q1 thu trước 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng, tiền thu lời bất chính là 2.671.333 đồng, Ngoài ra Q1 thu phí hồ sơ 380.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.051.233 đồng. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí chị D còn nợ Q1 trước đó, chị D nhận về số tiền là 7.060.000 đồng.

Lần vay thứ 2: Ngày 30/10/2024, Q1 tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 3.640.000 đồng.

Lần vay thứ 3: Ngày 19/11/2024, Q1 tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 2.880.000 đồng.

Lần vay thứ 4: Ngày 09/12/2024, Q1tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 2.880.000 đồng.

Lần vay thứ 5: Ngày 30/12/2024, Quyên tiếp tục cho chị Dần vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị Dần còn nợ lại của lần vay trước, chị Dần nhận về số tiền là 2.880.000 đồng.

Lần vay thứ 6: Ngày 20/01/2025, Q1 tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng

trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 2.500.000 đồng.

Lần vay thứ 7: Ngày 09/2/2025, Q1tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 3.260.000 đồng.

Lần vay thứ 8: Ngày 01/3/2025, Q1tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 3.260.000 đồng.

Lần vay thứ 9: Ngày 18/3/2025, Q1tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 3.260.000 đồng.

Lần vay thứ 10: Ngày 12/4/2025, Q1tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 5.210.000 đồng.

Lần vay thứ 11: Ngày 05/5/2025, Q1tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 4.400.000 đồng.

Lần vay thứ 12: Ngày 25/5/2025, Q1tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 3.260.000 đồng.

Lần vay thứ 13: Ngày 14/6/2025, Q1tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 3.260.000 đồng.

Lần vay thứ 14: Ngày 04/7/2025, Q1tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 3.260.000 đồng.

Lần vay thứ 15: Ngày 24/7/2025, Q1tiếp tục cho chị D vay bằng hình thức đảo ống với các thỏa thuận như lần vay trước với số tiền vay 15.000.000 đồng trong 40 ngày với mức lãi suất và thu các chi phí như lần vay trước. Sau khi thu lãi, trừ các khoản chi phí và trừ số tiền chị D còn nợ lại của lần vay trước, chị D nhận về số tiền là 3.260.000 đồng. Đối với lần vay nay chị D đã trả cho Q1 được 2.660.000 đồng và còn nợ lại 12.340.000 đồng

Từ ngày 09/10/2024 đến ngày 16/8/2025, **Cao Thị Q, Trần Hồng Q và Nguyễn Long D** cho chị Lê Thị D vay với tổng số tiền là **225.000.000 đồng**; mức lãi suất 183%/năm; tổng số tiền gốc đã trả là 212.660.000 đồng, tổng số tiền lãi chị Dần đã trả 45.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là **4.931.507 đồng**, tiền thu lãi bất chính là **40.068.493**; số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) **5.700.000 đồng**; tổng số tiền thu lợi bất chính là **45.768.493 đồng**.

Như vậy, từ ngày 08/8/2024 đến ngày 18/8/2025, Cao Thị Q cùng các đồng phạm cho Bùi Thị Th, Tạ Văn Đ, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Bích H, Đặng Đình Đ, Trần Thị H, Trần Thị Ch và Lê Thị D vay với tổng số tiền cho vay là **2.229.000.000 đồng** với mức lãi suất từ 108%/năm đến 203%/năm thu tổng số tiền lãi **545.020.000 đồng,** trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là **77.921.918 đồng**, tiền lãi thu lợi bất chính là **467.278.082 đồng**, số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) **44.170.000 đồng**. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **511.448.082 đồng.** Đối với số tiền gốc **2.229.000.000 đồng**, trên thực tế nhóm của Q1 đã thu về 1**.630.360.000 đồng**, số tiền gốc còn lại các người vay chưa trả.

Ngày 15/8/2025, bà Bùi Thị Th là một trong những người vay tiền làm đơn trình báo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra làm việc xác minh, khám xét khẩn cấp nơi ở của các đối tượng phát hiện có dấu vết của tội phạm nên đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo, Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Long D thừa nhận hành vi cho nhiều người vay tiền với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật nhằm thu lợi bất chính nội dung sự việc đúng như bản cáo trạng đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT – VKS – KV1 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Ninh Bình đã truy tố các bị cáo, Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Long D ra trước Tòa án nhân dân khu vực 1 – Ninh Bình để xét xử về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Ninh Bình vẫn giữ nguyên bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo, Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Long D phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2

Điều 51, Điều 58 khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cao Thị Q.

- Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Hồng Q

- Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Long D. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Long D.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn H.

Xử phạt bị cáo Trần Hồng Q từ 08 (tám) đến 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18/8/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18/8/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18/8/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18/8/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Long D từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18/8/2025.

Xử phạt bị cáo Cao Thị Q từ 08 (tám) đến 11 (mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 (mười sáu) đến 22 (hai mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Cao Thị Q cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố hải Phòng là nơi bị cáo thường trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung Cao Thị Q, Trần Hồng Q mỗi bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H mỗi bị cáo từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung Nguyễn Long D từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn H.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu đen.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max màu vàng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AIRBLADE, màu sơn Đen, BKS: 35B2-884.76 và 01 đăng ký xe mô tô BKS: 35B2-884.76.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, màu sơn Đen Xám, BKS: 35B2-592.15 và 01 đăng ký xe mô tô BKS: BKS: 35B2-592.15.

+ Buộc bị cáo Cao Thị Q, Trần Hồng Q phải nộp lại số tiền bao gồm tiền thực tế dùng cho người khác vay lãi nặng, tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự đã thu được của những người vay và tiền thu lợi bất hợp pháp (phí hồ sơ) để sung nộp ngân sách nhà nước cụ thể từng bị cáo như sau:

- Bị cáo Trần Hồng Q phải nộp lại: 288.255.957 đồng.
- Bị cáo Cao Thị Q phải nộp lại: 288.255.957 đồng.

Bị cáo Cao Thị Q đã nộp lại số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001361 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 188.255.957 đồng.

Bị cáo Trần Hồng Q đã nộp lại số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001362 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 188.255.957 đồng.

+ Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền (có được do vay của Cao Thị Q và Trần Hồng Q) để sung nộp ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

- Ông Tạ Văn Đ phải nộp lại: 89.200.000 đồng.
- Bà Bùi Thị Th phải nộp lại: 20.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp lại: 110.200.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp lại: 2.250.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Bích H phải nộp lại: 1.400.000 đồng.
- Ông Đặng Đình Đ phải nộp lại: 2.250.000 đồng.
- Bà Trần Thị H phải nộp lại: 4.000.000 đồng.
- Bà Trần Thị Ch phải nộp lại: 5.500.000 đồng.
- Bà Lê Thị D phải nộp lại: 3.260.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Trần Hồng Q và bị cáo Cao Thị Q mỗi người phải trả 7.123.288 đồng cho bà Trần Thị H.

+ Buộc bị cáo Trần Hồng Q và bị cáo Cao Thị Q mỗi người phải trả 20.034.247đồng cho bà Lê Thị D

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số 0812535606; 01 thẻ sim số 0973.725.886; 01 thẻ sim số 0976.339.253; 01 thẻ sim số 0824.762.466; 01 thẻ sim số 0823666363; 01 thẻ sim số 0981.866.668; 01 thẻ sim số 0966.792.328; 01 thẻ sim số 0777.502.093; 01 thẻ sim số 0942.890.835 và 01 thẻ sim số 0888.157.355.

+ Trả lại cho bị cáo Cao Thị Q số tiền cụ thể như sau:

- Số tiền 30.135.807 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Techcombank số 476868666888 của Cao Thị Q.

- Số tiền 180.548.645 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 1047963237 của Cao Thị Q.

- Số tiền 139.835.000 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng BIDV số 8860504414 của Cao Thị Q.

- Số tiền 2.519.007 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Techcombank số 2509258888 của Vũ Mạnh H.

Trả cho Nguyễn Văn Th số tiền cụ thể như sau:

- Số tiền 42.057.797 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 100869893996 của Nguyễn Văn Th.

- Số tiền 289.168 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 9888157355 của Nguyễn Văn Th.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Long D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Miễn 200.000 đồng án phí hình sợ sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q trình bày: đối với hành vi của các bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q đã rõ: về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Ninh Bình truy tố, việc truy tố là đúng người, đúng tội.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất đề nghị của Viện kiểm sát và cho bị cáo Q2 và Q1 được cải tạo tại địa phương là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Mặt khác do hiện nay tất cả các bị cáo trong vụ án đều là lao động tự do không có thu nhập ổn định do vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Trong vụ án này về vai trò của bị cáo Q2 và Q1 là ngang nhau, tuy nhiên do bị cáo Q1 còn phải nuôi 03 con nhỏ, trong đó có 01 cháu khuyết tật nặng nên cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật còn bị cáo Q2 với mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với tính chất mức độ hành vi của bị cáo. Đối với đề nghị của người bào chữa là miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo, xét thấy việc các bị cáo cho vay lãi nặng nhằm mục đích kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa không trình bày thêm nội dung nào khác.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi bị truy tố như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình. Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và

nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Long D tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo như sau: trong khoảng thời gian từ 08/8/2024 đến 16/8/2025, Cao Thị Q cùng chồng là Trần Hồng Q cho Bùi Thị Th, Tạ Văn Đ, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Bích H, Đặng Đình Đ, Trần Thị H, Trần Thị Ch và Lê Thị D vay với tổng số tiền cho vay là 2.229.000.000 đồng với mức lãi suất từ 108%/năm đến 203%/năm thu tổng số tiền lãi 545.020.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 77.921.918 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 467.278.082 đồng, số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) 44.170.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **511.448.082 đồng.**

Để thực hiện việc cho vay lãi nặng Cao Thị Q và Trần Hồng Q đã thuê Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Long D với mức lương từ khoảng 6.000.000 đồng/tháng đến 17.000.000 đồng/tháng đồng để trực tiếp liên hệ, đôn đốc và thu nợ của khách vay tiền.

Nguyễn Văn Th đồng phạm với Cao Thị Q, Trần Hồng Q và phải chịu trách nhiệm hình sự đối khoản thu lời bất chính từ Bùi Thị Th, Tạ Văn Đ, Nguyễn Thị Thu H. Từ ngày 08/8/2024 đến ngày 18/8/2025, tổng số tiền cho vay là 1.380.000.000 đồng; mức lãi suất từ 108% đến 180%/năm; tổng số tiền lãi đã thu là 380.000.000 đồng; trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 59.902.739 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 320.097.261 đồng; số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) 22.500.000 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính là **341.897.261 đồng**.

Nguyễn Quốc H đồng phạm với Cao Thị Q, Trần Hồng Q và phải chịu trách nhiệm hình sự đối khoản thu lời bất chính từ Bùi Thị Th, Nguyễn Thị Thu H. Từ tháng 8/2024 đến ngày 18/8/2025, tổng số tiền cho vay là 1.080.000.000 đồng; mức lãi suất từ 108% đến 180%/năm; tổng số tiền lãi đã thu là 210.000.000 đồng; trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 28.602.739 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 181.397.261 đồng; số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) 22.500.000 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính là **203.197.261 đồng.**

Nguyễn Văn H đồng phạm với Cao Thị Q, Trần Hồng Q và phải chịu trách nhiệm hình sự đối khoản thu lời bất chính từ Bùi Thị Th. Từ tháng 8/2024 đến ngày 16/8/2025, tổng số tiền cho vay là 900.000.000 đồng; mức lãi suất 146%/năm; tổng số tiền lãi đã thu là 180.000.000 đồng; trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 24.657.534, tiền lãi thu lợi bất chính là 155.342.466 đồng;

số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) 18.000.000 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính là **173.342.466 đồng.**

Nguyễn Long D đồng phạm với Cao Thị Q, Trần Hồng Q và phải chịu trách nhiệm hình sự đối khoản thu lời bất chính từ Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Bích H, Đặng Đình Đ, Trần Thị H, Trần Thị Ch và Lê Thị D. Từ tháng 8/2024 đến ngày 16/8/2025, tổng số tiền cho vay là 849.000.000 đồng; mức lãi suất từ 108% đến 203%/năm; tổng số tiền lãi đã thu là 180.000.000 đồng; trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 24.657.534 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 155.342.466 đồng; số tiền thu trái pháp luật khác (phí hồ sơ) 22.500.000 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính là **169.680.821 đồng**.

Theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" như sau:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[2] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế về hoạt động cho vay trong giao dịch dân sự được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Long D đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án này có nhiều đối tượng tham gia nhưng mang tính đồng phạm giản đơn, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến vai trò đồng phạm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q mặc dù bị cáo không thừa nhận việc các bị cáo bỏ tiền ra để cho vay lãi nặng song các bị cáo không có tài liệu gì để chứng minh việc Tạ Văn Q là người đưa tiền cho các bị cáo để cho vay lãi nặng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Do đó về trách nhiệm hình sự của Cao Thị Q và Trần Hồng Q là hơn các bị cáo khác là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Long D tuy các bị cáo chỉ làm thuê và được Cao Thị Q và Trần Hồng Q trả lương trong việc tìm kiếm khách hàng, thu tiền của các khách hàng vay hàng

ngày, tuy nhiên bị cáo Th và bị cáo H1 có vai trò tham gia tích cực hơn bị cáo H2 và bị cáo D. Do đó về trách nhiệm hình sự của bị cáo Th và H1 ngang nhau, cao hơn bị cáo H2 và D là phù hợp.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q phải nuôi 3 con nhỏ trong đó có một con khuyết tật nặng, các bị cáo tự nguyên khắc phục một phần hậu quả. Bị cáo Nguyễn Long D sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên các bị cáo Q1, Q2 và D được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

[4] Về nhân thân: các bị cáo Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Quốc H có nhân thân xấu đã từng bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo Nguyễn Long D đã từng bị Công an huyện Th, thành phố Hải Phòng khởi tố về hành vi Cố ý gây thương tích, tuy nhiên do bị hại có đơn xin rút yêu cầu khởi tố do đó Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định đình chỉ vụ án.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Cao Thị Q, căn cứ Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình Sự. Do vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo là phù hợp đủ để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Long D. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ nghiêm để giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm". Do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Long D.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H thuộc hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn H.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax thu giữ của Cao Thị Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh thu giữ của Nguyễn Quốc H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu đen thu giữ của Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max màu vàng thu giữ của Trần Hồng Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max thu giữ của Nguyễn văn Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 thu giữ của Nguyễn Long D. Đây là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AIRBLADE, màu sơn Đen, BKS: 35B2-884.76 và 01 đăng ký xe mô tô BKS: 35B2-884.76 chủ sở hữu mang tên anh Trương Xuân H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, màu sơn Đen Xám, BKS: 35B2-592.15 và 01 đăng ký xe mô tô BKS: 35B2-592.15 mang tên ông Nguyễn Văn M. Quá trình điều tra anh H khẳng định anh không mua, không đăng ký hoặc đứng tên đăng ký cho ai chiếc xe xe mô tô BKS: 35B2-884.76 và ông Nguyễn Văn M xác định ông đã bán chiếc xe xe mô tô BKS: 35B2-592.15, không nhớ bán cho ai, ở đâu. Tuy nhiên các bị cáo khai đây là hai chiếc xe mà các bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng. Do đó xác định đây là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 01 thẻ sim số 0812535606; 01 thẻ sim số 0973.725.886; 01 thẻ sim số 0976.339.253; 01 thẻ sim số 0824.762.466; 01 thẻ sim số 0823666363; 01 thẻ sim số 0981.866.668; 01 thẻ sim số 0966.792.328; 01 thẻ sim số 0777.502.093; 01 thẻ sim số 0942.890.835 và 01 thẻ sim số 0888.157.355 của các bị cáo Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Long D không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với số tiền 30.135.807 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Techcombank số 476868666888 của Cao Thị Q; số tiền 180.548.645 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 1047963237 của Cao Thị Q; số tiền 139.835.000 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng BIDV số 8860504414 của Cao Thị Q và số tiền 2.519.007 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Techcombank số 2509258888 của Vũ Mạnh H. Trong quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Cao Thị Q không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo. Do vậy cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với số tiền 42.057.797 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 100869893996 của Nguyễn Văn Th và số tiền 289.168 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 9888157355 của Nguyễn Văn Th. Trong quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Nguyễn Văn Th không liên quan đến

việc phạm tội của bị cáo. Do vậy cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[8] Đối với số tiền sử dụng vào việc phạm tội và tiền thu lời bất chính:

Đối với tổng số tiền 809.156.708 đồng là tiền mà Cao Thị Q và Trần Hồng Q chuyển thực tế cho khách dùng cho vay lãi nặng là công cụ, phương tiện phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

Cao Thị Q và Trần Hồng Q cho vay với lãi suất vượt quá mức quy định của pháp luật để thu lời bất chính, là khoản tiền các bị cáo chiếm đoạt bất hợp pháp nên cần buộc các bị cáo có nghĩa vụ trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự cụ thể như sau:.

[8.1]. Khoản vay của ông Tạ Văn Đ:

Đối với số tiền gốc là 300.000.000 đồng, Cao Thị Q, Trần Hồng Q cho ông Tạ Văn Đ vay, thực tế số tiền ông Đ nhận chuyển khoản được 149.200.000 đồng, đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, ông Đ còn nợ của Q1, Q2 số tiền là 89.200.000 đồng nên cần truy thu số tiền chưa thanh toán để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi Q2, Q1 được phép thu tối đa mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà các bị cáo đã thu của ông Đ là 31.500.000 đồng là khoản phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 138.700.000 đồng là khoản tiền thu lời bất chính mà thực tế Q2, Q1 đã thu lãi từ ông Đ nên buộc các bị cáo phải trả lại cho ông Tạ Văn Đ. Các bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q đã trả hết số tiền trên cho ông Đ.

Như vậy, đối với khoản vay này, Cao Thị Q, Trần Hồng Q mỗi bị cáo phải nộp 45.750.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[8.2]. Khoản vay của bà Bùi Thị Th:

Đối với số tiền gốc là 900.000.000 đồng, Cao Thị Q, Trần Hồng Q cho bà Bùi Thị Th vay, thực tế bà Th nhận chuyển khoản được số tiền 149.820.000 đồng đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bà Th nợ Q2, Q1 số tiền là 20.000.000 đồng nên cần truy thu số tiền chưa thanh toán để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi Q2, Q1 được phép thu tối đa mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà các bị cáo đã thu của bà Th là 24.657.534 đồng là khoản phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền phí hồ sơ 18.000.000 đồng Q2, Q1thu của bà Th là khoản thu trái pháp luật nên buộc các bị cáo phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 155.342.466 đồng là khoản tiền thu lời bất chính mà thực tế Q2, Q1 đã thu lãi từ bà Th nên buộc các bị cáo phải trả lại cho bà Bùi Thị Th. Các bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q đã trả hết số tiền trên cho bà Th.

Như vậy, đối với khoản vay này, Cao Thị Q, Trần Hồng Q, mỗi bị cáo phải nộp 86.238.767 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[8.3]. Khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu H:

Đối với số tiền gốc là 180.000.000 đồng, Cao Thị Q, Trần Hồng Q cho bà Nguyễn Thị Thu H vay, thực tế bà H nhận chuyển khoản được số tiền 137.000.000 đồng, đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bà H nợ Q2, Q1số tiền là 110.000.000 đồng nên cần truy thu số tiền chưa thanh toán để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi Q2, Q1 được phép thu tối đa mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà các bị cáo đã thu của bà H là 3.945.205 đồng là khoản phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền phí hồ sơ 3.800.000 đồng Q2, Q1 thu của bà H là khoản thu trái pháp luật nên buộc các bị cáo phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 26.054.795 đồng là khoản tiền thu lời bất chính mà thực tế Q2, Q1 đã thu lãi từ bà H nên buộc các bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H. Bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q đã trả hết số tiền trên cho bà H.

Như vậy, đối với khoản vay này, Cao Thị Q, Trần Hồng Q mỗi bị cáo phải nộp 17.372.602 đồng sung ngân sách Nhà nước.

[8.4]. Khoản vay của bà Nguyễn Thị Thu H:

Đối với số tiền gốc là 162.000.000 đồng, Cao Thị Q, Trần Hồng Q cho bà Nguyễn Thị Thu H vay, thực tế bà H nhận chuyển khoản được số tiền 43.250.000 đồng đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bà H nợ Q2, Q1 số tiền là 2.250.000 đồng nên cần truy thu số tiền chưa thanh toán để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi Q2, Q1 được phép thu tối đa mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà các bị cáo đã thu của bà H là 3.484.932 đồng là khoản phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền phí hồ sơ 4.150.000 đồng Q2, Q1 thu của bà H là khoản thu trái pháp luật nên buộc các bị cáo phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 28.515.068 đồng là khoản tiền thu lời bất chính mà thực tế Q2, Q1 đã thu lãi từ bà H nên buộc các bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H. Các bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q đã trả hết số tiền trên cho bà H

Như vậy, đối với khoản vay này, Cao Thị Q, Trần Hồng Q mỗi bị cáo phải nộp 24.317.466 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[8.5]. Khoản vay của bà Nguyễn Thị Bích H:

Đối với số tiền gốc là 132.000.000 đồng, Cao Thị Q, Trần Hồng Q cho bà Nguyễn Thị Bích H vay, thực tế số tiền bà H nhận chuyển khoản được 41.260.000 đồng, đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bà H nợ Q2, Q1 số tiền là

1.400.000 đồng nên cần truy thu số tiền chưa thanh toán để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi Q2, Q1 được phép thu tối đa mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà nhóm đã thu của bà H là 2.169.863 đồng là khoản phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền phí hồ sơ 4.400.000 đồng Q2, Q1 thu của bà H là khoản thu trái pháp luật nên buộc các bị cáo phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 19.830137 đồng là khoản tiền thu lời bất chính mà thực tế Q2, Q1 đã thu lãi từ bà H nên buộc các bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích H. Các bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q đã trả hết số tiền trên cho bà H

Như vậy, đối với khoản vay này, Cao Thị Q, Trần Hồng Q mỗi bị cáo phải nộp 23.914.932 đồng sung ngân sách Nhà nước.

[8.6]. Khoản vay của ông Đặng Đình Đ:

Đối với số tiền gốc là 80.000.000 đồng, Cao Thị Q, Trần Hồng Q cho ông Đặng Đình Đ vay thực tế ông Đ chỉ nhận được số tiền chuyển khoản là 31.500.000 đồng, đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, ông Đ nợ Q2, Q1 số tiền là 2.250.000 đồng nên cần truy thu số tiền chưa thanh toán để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi Q2, Q1 được phép thu tối đa mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà các bị cáo đã thu của ông Đ là 1.753.425 đồng là khoản phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền phí hồ sơ 2.000.000 đồng Q2, Q1 thu của ông Đ là khoản thu trái pháp luật nên buộc các bị cáo phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 14.246.575 đồng là khoản tiền thu lời bất chính mà thực tế Q2, Q1 đã thu lãi từ ông Đ nên buộc các bị cáo phải trả lại cho ông Đặng Đình Đ. Các bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q đã trả hết số tiền trên cho ông Đ

Như vậy, đối với khoản vay này, Cao Thị Q, Trần Hồng Q mỗi bị cáo phải nộp 16.501.712 đồng sung ngân sách Nhà nước.

[8.7]. Khoản vay của bà Trần Thị H:

Đối với số tiền gốc là 80.000.000 đồng, Cao Thị Q, Trần Hồng Q cho bà Trần Thị H vay thực tế số tiền bà H được chuyển khoản là 34.650.000 đồng, đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bà H nợ Q2, của Q1 số tiền là 4.000.000 đồng nên cần truy thu số tiền chưa thanh toán để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi Q2, Q1 được phép thu tối đa mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà nhóm đã thu của bà H là 1.753.425 đồng là khoản phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền phí hồ sơ 2.000.000 đồng Q2, Q1 thu của bà H là khoản thu trái pháp luật nên buộc các bị cáo phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 14.246.575 đồng là khoản tiền thu lời bất chính mà thực tế Q2, Q1 đã thu lãi từ bà Hằng nên buộc các bị cáo phải trả lại cho bà Trần Thị H.

Như vậy, đối với khoản vay này, Cao Thị Q, Trần Hồng Q mỗi bị cáo phải nộp 17.201.712 đồng sung ngân sách Nhà nước và 7.123.287 đồng trả lại cho bà Trần Thị H.

[8.8]. Khoản vay của bà Trần Thị Ch:

Đối với số tiền gốc là 170.000.000 đồng, Cao Thị Q, Trần Hồng Q cho bà Trần Thị Ch vay thực tế số tiền bà Ch nhận được qua chuyển khoản 49.800.000 đồng, đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bà Ch nợ Q2, Q1 số tiền là 5.500.000 đồng nên cần truy thu số tiền chưa thanh toán để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi Q2, Q1 được phép thu tối đa mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà các bị cáo đã thu của bà Ch là 3.726.027 đồng là khoản phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền phí hồ sơ 4.250.000 đồng Q2, Q1 thu của bà Ch là khoản thu trái pháp luật nên buộc các bị cáo phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 30.273.973 đồng là khoản tiền thu lời bất chính mà thực tế Q2, Q1 đã thu lãi từ bà Ch nên buộc các bị cáo phải trả lại cho bà Trần Thị Ch. Các bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q đã trả hết số tiền trên cho bà Ch

Như vậy, đối với khoản vay này, Cao Thị Q, Trần Hồng Q mỗi bị cáo phải nộp 26.138.013 đồng sung ngân sách Nhà nước.

[8.9]. Khoản vay của bà Lê Thị D:

Đối với số tiền gốc là 180.000.000 đồng, Cao Thị Q, Trần Hồng Q cho bà Lê Thị D vay thực tế số tiền bà D nhận chuyển khoản được 54.270.000 đồng, đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bà D nợ Q2, Q1 số tiền là 3.260.000 đồng nên cần truy thu số tiền chưa thanh toán để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi Q2, Q1 được phép thu tối đa mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà nhóm đã thu của bà D là 4.931.507 đồng là khoản phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền phí hồ sơ 5.700.000 đồng Q2, Q1 thu của bà D là khoản thu trái pháp luật nên buộc các bị cáo phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 40.068.493 đồng là khoản tiền thu lời bất chính mà thực tế Q2, Q1 đã thu lãi từ bà D nên buộc các bị cáo phải trả lại cho bà Lê Thị D.

Như vậy, đối với khoản vay này, Cao Thị Q, Trần Hồng Q mỗi bị cáo phải nộp 30.820.753 đồng sung ngân sách Nhà nước và 20.034.246 đồng trả lại cho bà Lê Thị D.

Bị cáo Cao Thị Q và Trần Hồng Q đã trả lại số tiền thu lời bất chính cho Bà Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Tạ Văn Đ, bà Trần Thị Ch, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đặng Đình Đ, bà Bùi Thị Th và những người này không yêu cầu các bị cáo phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào nên không đặt ra xem xét

- Đối với một số khoản vay mà Trần Hồng Q, Cao Thị Q và đồng phạm cho người liên quan vay với mức lãi suất lớn hơn 100%/năm thu lời bất chính dưới 30 triệu đồng và các khoản vay này đã kết thúc trước ngày 16/8/2024. Tính đến thời điểm phát hiện hành vi phạm tội (ngày 16/8/2025), các lần vay này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, vì vậy không xem xét xử lý.

Trong vụ án này còn có:

Tạ Văn Q, anh Q khai nhận có mối quan hệ quen biết với vợ chồng Cao Thị Q, Trần Hồng Q và có vay mượn tiền của nhau nhiều lần. Việc chuyển nhận tiền qua các tài khoản ngân hàng là tiền vay là trả nợ giữa anh Q và vợ chồng Q2 Q1. Anh Q không chỉ đạo, phân công điều hành, không cung cấp tiền, không mua và cung cấp xe mô tô, điện thoại di động, không thuê nhà trọ và mượn tài khoản cho các đối tượng sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng. Số điện thoại 0886366383 anh Q đăng ký và bị mất từ năm 2019, hiện nay không còn sử dụng nên không biết ai là người sử dụng số điện thoại trên đăng ký tài khoản zalo để nhắn tin với vợ chồng Q2, Q1. Từ những tài liệu chứng cứ thu thập được đã chứng minh giữa vợ chồng Cao Thị Q và anh Tạ Văn Q có việc trao đổi, giao dịch một số khoản tiền, tuy nhiên chưa đủ căn cứ để chứng minh Tạ Văn Q đồng phạm với vợ chồng Cao Thị Q trong việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hiện nay anh Q vắng mặt tại địa phương. Do đó, Cơ quan điều tra tách phần tài liệu có liên quan đến Tạ Văn Q để tiếp tục xác minh làm rõ.

- Đối với Trần Văn Th, sinh năm 1994, trú tại phường Th, thành phố Hải Phòng được Cao Thị Q thuê từ 15/7/2025 để thực hiện việc thu tiền lãi, tiền gốc của khách vay tiền. Tuy nhiên, Trần Văn Th đang trong thời gian làm quen địa bàn, chưa được giao tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và chưa thu lợi bất chính. Do đó không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Văn Th.

- Đối với Vũ Mạnh H, sinh năm 1998, trú tại tổ 8, phường Q, tỉnh Thái Nguyên là người đã cho Trần Hồng Q mượn tài khoản số 2509258888, mang tên Vũ Mạnh H, mở tại ngân hàng Techcombank. Việc Q2 sử dụng tài khoản của H vào hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự H không biết, do vậy không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Vũ Mạnh H về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Đối với Trần Khắc Việt A, sinh năm 1997, trú tại Số nhà 997, đường Tr, phường H, tỉnh Ninh Bình là người có số tài khoản tài khoản 249704070007194, mang tên Trần Khắc Việt A, mở tại ngân hàng HDBank, đến nay chưa triệu tập làm việc được nên chưa xác định được vai trò liên quan của Trần Khắc Việt A, do vậy Cơ quan điều tra tách hồ sơ, tài liệu liên quan đến Trần Khắc Việt A để tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định.

- Đối với Phạm Hồng Ph, sinh năm 1989, trú tại xóm 2, xã Y, tỉnh Ninh Bình là người có số tài khoản 0941472088, mang tên Phạm Hồng Ph, mở tại ngân hàng VPBank. Quá trình điều tra xác định, Phạm Vũ Hồng Ph đã cho Tạ Văn Q mượn, sau đó số tài khoản này được sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Việc các đối tượng sử dụng tài khoản của Ph vào hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự Ph không biết, vì vậy không

có căn cứ để xử lý hình sự đối với Phạm Hồng Ph. Đối với hành vi vi phạm hành chính về việc cho mượn tài khoản của Phạm Hồng Ph, Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ, tài liệu đến Phạm Hồng Ph để tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định.

- Đối với Chu Hữu N, sinh năm 1999, trú tại thôn X, xã H, tỉnh Thanh Hóa là chủ số tài khoản số 9833336899999, mang tên Chu Hữu N, mở tại ngân hàng MBBank. Quá trình điều tra chưa làm việc được với N, chưa xác định được vai trò của N có liên quan đến vụ án. Vì vậy Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ, tài liệu của N để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[12] Về án phí: các bị cáo Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Long D bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn H bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định song gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, tại phiên tòa bị cáo đề nghị xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Việc đề nghị của bị cáo là chính đáng do đó cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí cho bị cáo

Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Cao Thị Q;

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Hồng Q;

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn Th.

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Quốc H;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều

58 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn H.

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Long D;

- Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Điều 463 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự:

- Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và Nguyễn Long D phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

Xử phạt các bị cáo như sau:

- Xử phạt bị cáo Trần Hồng Q **08 (tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18 tháng 8 năm 2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th **07(bẩy)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18 tháng 8 năm 2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H **07 (bẩy)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18 tháng 8 năm 2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 18 tháng 8 năm 2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Long D **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 20 tháng 8 năm 2025.

Xử phạt bị cáo Cao Thị Q **08 (tám)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **16 (mười sáu)** tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2026).

Giao bị cáo Cao Thị Q cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Hải Phòng là nơi bị cáo thường trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Phạt bổ sung đối với Cao Thị Q, Trần Hồng Q mỗi bị cáo 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Phạt bổ sung đối với Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H mỗi bị cáo

40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Phạt bổ sung đối với Nguyễn Long D 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn H.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu đen.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max màu vàng.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AIRBLADE, màu sơn Đen, BKS: 35B2-884.76 và 01 đăng ký xe mô tô BKS: 35B2-884.76.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, màu sơn Đen Xám, BKS: 35B2-592.15 và 01 đăng ký xe mô tô BKS: BKS: 35B2-592.15.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số 0812535606; 01 thẻ sim số 0973.725.886; 01 thẻ sim số 0976.339.253; 01 thẻ sim số 0824.762.466; 01 thẻ sim số 0823666363; 01 thẻ sim số 0981.866.668; 01 thẻ sim số 0966.792.328; 01 thẻ sim số 0777.502.093; 01 thẻ sim số 0942.890.835 và 01 thẻ sim số 0888.157.355.

Những vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã chuyển cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Ninh Bình theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 12 năm 2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Ninh Bình.

Điện thoại, thẻ sim, xe mô tô và đăng ký xe mô tô được mô tả theo đúng như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản.

+ Buộc bị cáo Cao Thị Q, Trần Hồng Q phải nộp lại số tiền bao gồm tiền thực tế dùng cho người khác vay lãi nặng, tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự đã thu được của những người vay và tiền thu lợi bất hợp pháp (phí hồ sơ) để sung nộp ngân sách nhà nước cụ thể từng bị cáo như sau:

- Bị cáo Trần Hồng Q phải nộp lại: 288.255.957 đồng.
- Bị cáo Cao Thị Q phải nộp lại: 288.255.957 đồng.

Bị cáo Cao Thị Q đã nộp lại số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001361 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 188.255.957 đồng.

Bị cáo Trần Hồng Q đã nộp lại số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001362 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 188.255.957 đồng.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền (có được do vay của Cao Thị Q và Trần Hồng Q) để sung nộp ngân sách nhà nước cụ

thể như sau:

- Ông Tạ Văn Đ phải nộp lại: 89.200.000 đồng.
- Bà Bùi Thị Th phải nộp lại: 20.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp lại: 110.200.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp lại: 2.250.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Bích H phải nộp lại: 1.400.000 đồng.
- Ông Đặng Đình Đ phải nộp lại: 2.250.000 đồng.
- Bà Trần Thị H phải nộp lại: 4.000.000 đồng.
- Bà Trần Thị Ch phải nộp lại: 5.500.000 đồng.
- Bà Lê Thị D phải nộp lại: 3.260.000 đồng.

Về nghĩa vụ dân sự:

- Buộc bị cáo Trần Hồng Q và Cao Thị Q mỗi người phải trả 7.123.288 đồng cho bà Trần Thị H.

- Buộc bị cáo Trần Hồng Q và Cao Thị Q mỗi người phải trả 20.034.247đồng cho bà Lê Thị D

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

+ Trả lại cho bị cáo Cao Thị Q số tiền cụ thể như sau:

- Số tiền 30.135.807 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Techcombank số 476868666888 mang tên Cao Thị Q.

- Số tiền 180.548.645 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 1047963237 mang tên Cao Thị Q.

- Số tiền 139.835.000 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng BIDV số 8860504414 mang tên Cao Thị Q.

- Số tiền 2.519.007 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Techcombank số 2509258888 mang tên Vũ Mạnh H.

Trả cho Nguyễn Văn Th số tiền cụ thể như sau:

- Số tiền 42.057.797 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 100869893996 mang tên Nguyễn Văn Th.

- Số tiền 289.168 đồng thu giữ từ tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 9888157355 mang tên Nguyễn Văn Th.

Số tiền trên được thực hiện theo ủy nhiệm chi ngày 24/12/2025

4. Về án phí:

- Buộc bị cáo Cao Thị Q, Trần Hồng Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Long D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Miễn 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn H.

Án xử sơ thẩm các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày

kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Sở tư pháp
- VKSND khu vực 1 – Ninh Bình;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú